

| STT | Tên tài sản – máy móc – thiết bị  | Số lượng |
|-----|---|----------|
|     | <b>Tài sản cố định</b>  |          |
| 1   | Xe ô tải có cần cầu Hino FM8JW7A-U/DNC-LC3 Số khung RNJFM8JW7PXX10524; số máy J08EWD14887 màu trắng                       | 1        |
| 2   | Xe ô tải có cần cầu Hino FM8JW7A-U/DNC-LC3 Số khung RNJFM8JW7PXX10524; số máy J08EWD14887 màu trắng (CP đăng kí trước bạ) | 1        |
| 3   | Xe ô tô tải 4.4 tấn ben TMT KC90D - 29C-650.06  | 1        |
| 4   | Xe ô tô tải Ford Ranger XLS 29C-578.55  | 1        |
| 5   | Xe ô tô tải tự đổ TMT mã hiệu ST11895D, số đăng ký 29H-159.12 (số máy: YC4E16020E3714H00579, số khung: RRT11895DH1B00595) | 1        |
| 6   | Xe ô tô toyota Fortuner V 30Z- 2839   | 1        |
| 7   | Xe tải ben TMT KC6650D - 29C-682.43   | 1        |
| 8   | Xe tải Thaco 29H-222.87 (SK: 345ACBC071874, SM: U01419303A)   | 1        |
| 9   | Xe tải Thaco 29H-224.84 (SK: 235AZAC055781, SM: U01320459A)   | 1        |
| 10  | XE Toyota Fortuner 29A-38483  | 1        |
| 11  | Xe Toyota Fortuner Legend 4X2 30B-107.34  | 1        |
| 12  | Xe cầu tự hành hiệu Hino FG8J số khung 12479  | 1        |
| 13  | Xe công nông (xe 3 bánh) S1130 - 9180102  | 1        |
| 14  | Xe nâng dầu 3 tấn Mitsubishi FD30NT (số khung F14E-13465; số máy S4S-291059)  | 1        |
| 15  | Xe nâng dầu số 2 Mitsubishi FD30NT (số khung F14E-13505; số máy S4S-292750)   | 1        |
| 16  | Bơm BT Putzmeister,model BSA2019H-D.số 21180 - số máy 211802004 (máy số 1)  | 1        |
| 17  | Bơm BT Putzmeister,model BSA2019H-D.số 21180 - số máy 211802030 (máy số 2)  | 1        |
| 18  | Cần cầu tháp Hòa Phát(Model HPCT-6516,cai 100m) ( SM 02)  | 1        |
| 19  | Cần cầu tháp HPCT 6516 cao 110m ( số 04)  | 1        |
| 20  | Cần phân phối bê tông model MX30-3 Multi (số 1-181800042)   | 1        |
| 21  | Cần phân phối bê tông model MX30-3 Multi ( số 2-181800043)  | 1        |
| 22  | Cần phân phối bê tông model MX30-3 Multi ( số 3-181800044)  | 1        |
| 23  | Cầu tháp HPCT 5013 cao 110m ( Số máy 70)  | 1        |
| 24  | Cầu tháp HPCT 6516 cao 110 mét (Số máy 03)  | 1        |
| 25  | Máy bơm nước thải Tsurumi KTZ 45.5-53, công suất 5.5kW/380V, seri 2185276-277   | 1        |
| 26  | Máy cân bằng tia laser+bộ cảm biến+chân -CT2 (SM 1110000095)  | 1        |

| STT | Tên tài sản – máy móc – thiết bị   | Số lượng |
|-----|--|----------|
| 27  | Máy đào bánh xích Komatsu model: PC200-8MO S/N: 19653, số khung: KMTPC244VHTC19653, số động cơ: 6D10726670864            | 1        |
| 28  | Máy đào bánh xích Komatsu model: PC200-8N1 S/N: 356829, số khung: KMTPC197C02356829, số động cơ: 6D10726615284           | 1        |
| 29  | Máy đào thủy lực bánh lốp Doosan DX55W (số khung:DX55W5760, số máy: 72305)   | 1        |
| 30  | Máy đầm bàn MVH-306DS  | 1        |
| 31  | Máy đầm cóc MT55 (B3264)   | 1        |
| 32  | Máy đầm cóc MT55 (C1505)   | 1        |
| 33  | Máy đầm cóc MT55 (C2295))  | 1        |
| 34  | Máy đầm cóc MT55 (C8305)   | 1        |
| 35  | Máy đầm đất MT77 HRL (E2391)   | 1        |
| 36  | Máy đầm đất MT77 HRL D1395   |          |
| 37  | Máy đầm đất MT77 HRL D1420   | 1        |
| 38  | Máy đo mức lase kiểu HV301, chân máy (SM 05480919)   | 1        |
| 39  | Máy hút phun rửa áp lực Karcher HD10/25-4S   | 1        |
| 40  | Máy lu rung dất tay MEHO(mua lại Cty Hải châ   | 1        |
| 41  | Máy lu rung Sakai SV520DH (SK 2SV3112088, SM 121905)   | 1        |
| 42  | Máy lu rung Sakai SV520DH (SK 2SV3112089, SM 122111)   | 1        |
| 43  | Máy lu rung sakai SV520DH (SK: 2SV31-12424, SM: 125001)  | 1        |
| 44  | Máy lurung Sakai SV512D( II) (SM RJ38105U401500P, SK VSV18D-21275)   | 1        |
| 45  | Máy lurung Sakai SV512D ( I) (SM RJ38105*U151482L,SK VSV18D-20461)   | 1        |
| 46  | Máy lurung sakai SV520DH (Sr: 121348, SK: 2SV31-12014)   | 1        |
| 47  | Máy lurung sakai SV520DH (Sr: 121956, SK: 2SV31-12034)   | 1        |
| 48  | Máy mài và đánh bóng sàn bê tông ASL500-T2   | 1        |
| 49  | Máy nén khí PDS 375S   | 1        |
| 50  | Máy phát điện PRAMAC - EBW11ât CS 97.1 KVA   | 1        |
| 51  | Máy phát Mitsubisi 250 KVA   | 1        |
| 52  | Máy toàn đạc (D0690036)  | 2        |
| 53  | Máy toàn đạc điện tử DTM 652 (010270)  | 1        |
| 54  | Máy toàn đạc điện tử Nikon DTM 322 (SM D320851)  | 1        |
| 55  | Máy toàn đạc Nikon (020677)  | 1        |
| 56  | Máy trộn BT cường bức 500l, kt thùng trộn 1300x500l, dung tích hình học 650l, dung tích khả dụng 500, KT2500x1300x1300mm | 1        |
| 57  | Máy ủi bánh xích Komatsu D39EX-22 (SK KMT0D108HHA004109; SM 4D10726662390)   | 1        |

| STT | Tên tài sản – máy móc – thiết bị   | Số lượng |
|-----|--|----------|
| 58  | Máy ủi bánh xích Komatsu D39EX-22 (SK: KMT0D108KHA004134; SM: 4D10726676268)                     | 1        |
| 59  | Máy ủi Komat'su D41 (SM 6D105-110559, SK DH0P5-10788)  | 1        |
| 60  | Máy ủi Komatsu D41-1p-5, UX02-03 (SM 6D105-92282, SK 10019)                                      | 1        |
| 61  | Máy ủi Komatsu D41P-6E0 (SK: KMT0D017V51B41206, SM: 30382657)                                    | 1        |
| 62  | Máy ủi Komatsu D65PX-16 (SK 82814, SM 26879635)  | 1        |
| 63  | Máy ủi Komatsu D65PX-17 ( SK: KMT0D117AEA002763, SM: 6D11426902721)                              | 1        |
| 64  | Máy ủi Komatsu D65PX-17, số khung KMT0D117HEA002815, số máy 6D11426902879                        | 1        |
| 65  | Máy uốn duỗi sắt DBR-32WH(mua mới 493TD)   | 1        |
| 66  | Máy xúc đào bánh lốp Doosan DX140W (SK DHKCEWAASH5008237; SM DB58TIS731135EJ)                    | 1        |
| 67  | Máy xúc đào bánh lốp Doosan DX140W (SK: DHKCEWAAAI5008400, SM: DB58TIS833828EJ)                  | 1        |
| 68  | Máy xúc đào bánh lốp Doosan model DX 140 (số khung : DHKCEWAAEF5008160; số máy: DB58TIS528737EJ) | 1        |
| 69  | Máy xúc đào bánh xích Komatsu PC200-8N1 (SK KMTPC197C02354814; SM 6D107-26102626)                | 1        |
| 70  | Máy xúc đào PC210-8N1 (SK KMTPC197C02356367; SM 6D10726613390)                                   | 1        |
| 71  | Máy xúc Komutsu PC200-8MO (SK KMTPC244A87C13314; SM 6D107-26621447)                              | 1        |
| 72  | Máy xúc Komutsu PC200-8MO (SK KMTPC244C87C 13657; SM 6D107-26623454)                             | 1        |
| 73  | Thiết bị chuyên mạch Cisco 2960 Plus 48 10/100 + 2 T/SFP LAN và thiết bị tường lửa               | 1        |
| 74  | Vận thăng Hòa Phát Model: HP-VTL100150 cao 100m (số chế tạo 368)                                 | 1        |
| 75  | Vận thăng lồng đôi HP-VTL 200/200.150 110m (số 2) (số chế tạo 276)                               | 1        |
| 76  | Vận thăng lồng đôi HP-VTL200/200.150 110m (số 1) (số chế tạo 275)                                | 1        |
| 77  | Vận thăng lồng HP (Model: HP-VTL100150 (số chế tạo 354)  | 1        |
| 78  | Vận thăng lồng HP (Model: HP-VTL100150 cao 100m (số chế tạo 355)                                 | 1        |
| 79  | Container văn phòng 40'  | 1        |
| 80  | Container văn phòng 40'  | 1        |
| 81  | Container VP - HNVP 2440524 - 20"  | 3        |
| 82  | Container VP 20FT  | 1        |
| 83  | Container VP 20FT  | 1        |
| 84  | Container VP 20FT  | 1        |